

có nhiều yếu tố nguy cơ làm tăng có ý nghĩa rối loạn chức năng tâm thu thất trái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y Tế** (2020), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung bướu", Nhà xuất bản Y học.
2. **Araujo-Gutierrez R, Chitturi KR, Xu J, et al.** Baseline global longitudinal strain predictive of anthracycline-induced cardiotoxicity. *Cardiooncology*. 2021;7(1):4. Published 2021 Jan 31. doi:10.1186/s40959-021-00090-2
3. **Cardinale D, Colombo A, Bacchiani G, et al.** Early detection of anthracycline cardiotoxicity and improvement with heart failure therapy. *Circulation*. 2015;131(22):1981-1988. doi:10.1161/CIRCULATIONAHA.114.013777
4. **Inoue K, Machino-Ohtsuka T, Nakazawa Y, et al.** Early Detection and Prediction of Anthracycline-Induced Cardiotoxicity - A Prospective Cohort Study. *Circ J*. 2024;88(5):751-759. doi:10.1253/circj.CJ-24-0065
5. **Lyon AR, López-Fernández T, Couch LS, et al.** 2022 ESC Guidelines on cardio-oncology developed in collaboration with the European Hematology Association (EHA), the European Society for Therapeutic Radiology and Oncology (ESTRO) and the International Cardio-Oncology Society (IC-OS) [published correction appears in *Eur Heart J*. 2023 May 7;44(18):1621. doi: 10.1093/eurheartj/ehad196]. *Eur Heart J*. 2022; 43 (41):4229-4361. doi:10.1093/eurheartj/ehac244
6. **Mornos C, Petrescu L.** Early detection of anthracycline-mediated cardiotoxicity: the value of considering both global longitudinal left ventricular strain and twist. *Can J Physiol Pharmacol*. 2013;91(8):601-607. doi:10.1139/cjpp-2012-0398
7. **Perez IE, Taveras Alam S, Hernandez GA, Sancassani R.** Cancer Therapy-Related Cardiac Dysfunction: An Overview for the Clinician. *Clin Med Insights Cardiol*. 2019; 13:1179546819866445. Published 2019 Jul 29. doi:10.1177/1179546819866445
8. **Sung H, Ferlay J, Siegel RL, et al.** Global Cancer Statistics 2020: GLOBOCAN Estimates of Incidence and Mortality Worldwide for 36 Cancers in 185 Countries. *CA Cancer J Clin*. 2021;71(3):209-249. doi:10.3322/caac.21660
9. **Swain SM, Whaley FS, Ewer MS.** Congestive heart failure in patients treated with doxorubicin: a retrospective analysis of three trials. *Cancer*. 2003;97(11):2869-2879. doi:10.1002/cncr.11407

KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ SẸO LỖM BẰNG PHƯƠNG PHÁP BÓC TÁCH ĐÁY SẸO KẾT HỢP LASER CO2 FRACTIONAL VÀ THOA HOSA SERUM TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VÀ VIỆN NGHIÊN CỨU DA THẨM MỸ QUỐC TẾ FOB

Phạm Huỳnh Trường¹, Nguyễn Trung Kiên¹, Trần Thái Thanh Tâm¹,
Lê Hoài Bảo², Phạm Như Thuận², Lê Nhật Huy²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị sẹo lõm bằng phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum tại bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB. **Đôi tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích 73 bệnh nhân mắc sẹo lõm đến khám tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB năm 2022-2023. **Kết quả nghiên cứu:** Cải thiện số lượng sẹo lõm: tốt chiếm 78,1%, khá chiếm 20,5% và trung bình chiếm 1,4%. Cải thiện độ phẳng sẹo lõm: độ 0 chiếm 43,8%, độ 1 chiếm 48%, độ 2 là 8,2%. Cải thiện màu sắc sẹo lõm: tốt (68,5%) và khá (28,8%). Tỷ lệ bệnh nhân có kết quả điều trị chung sau 12 tuần là 91,8%. Tác dụng phụ chủ yếu là

đau rất (83,3%), phù nề (8,3%), đỏ da (41,7%) trong tổng số 12 bệnh nhân có tác dụng phụ. 56,2% bệnh nhân cảm nhận rất hài lòng, 38,4% bệnh nhân cảm thấy hài lòng với kết quả điều trị sẹo lõm. **Kết luận:** Sự kết hợp của bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum là phương pháp an toàn và hiệu quả để điều trị sẹo lõm. **Từ khóa:** Sẹo lõm, bóc tách đáy sẹo, laser CO₂ fractional.

SUMMARY

TREATMENT RESULTS OF ATROPHIC SCAR BY SUBCISION WITH FRACTIONAL CO₂ LASER AND HOSA SERUM AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL AND FOB VOCATIONAL EDUCATION CENTER OF BEAUTY

Objectives: Evaluation of treatment results of atrophic scar by subcision with fractional CO₂ laser and Hosa serum at Can Tho university of medicine and pharmacy hospital and FOB vocational education center of beauty from 08/2022 to 08/2023. **Patients and methods:** A cross-sectional study was conducted with 73 atrophic scar patients at Can Tho university of medicine and pharmacy hospital and FOB vocational

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Trường Đại học Võ Trường Toản

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Huỳnh Trường

Email: huynhtruong2304@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 7.8.2024

Ngày duyệt bài: 27.8.2024

education center of beauty from 2022 to 2023. **Results:** Improvement in the number of atrophic scars: good (78.1%), fair (20.5%) and average (1.4%). Improved flatness of atrophic scars: grade 0 (43.8%), level 1 accounts (48%), level 2 (8.2%). Improvement of concave scar color: good (68.5%) and fair (28.8%). The percentage of patients with overall treatment results after 12 weeks is 91.8%. The main side effects were burning pain (83.3%), edema (8.3%), and skin redness (41.7%) in a total of 12 patients with side effects. 56.2% of patients felt very satisfied, 38.4% of patients felt satisfied with the results of atrophic scar treatment. **Conclusion:** The combination of subcision with fractional CO₂ laser and Hosa serum is safe and effective modality for the treatment of atrophic acne scars. **Keywords:** Atrophic acne scar, subcision, fractional CO₂ laser.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Seo lõm tuy không gây biến chứng nguy hiểm, song do vị trí tổn thương ở vùng mặt nên gây trở ngại lớn về thẩm mỹ, tâm lý, làm người bệnh kém tự tin trong giao tiếp, gây ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng cuộc sống của người bệnh cũng như năng suất lao động [2], [6]. Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều phương pháp để điều trị sẹo lõm được áp dụng như laser, cắt bỏ sẹo, bóc tách đáy sẹo, lột da bằng hóa chất... Trong đó, bóc tách đáy sẹo giúp giải phóng mô sợi bất thường neo từ lớp bì đến lớp hạ bì, điều này cùng với khối máu tu ngay sau đó giúp cải thiện vùng sẹo lõm về mặt lâm sàng, công nghệ laser CO₂ fractional là một công nghệ đột phá trong ngành y khoa thẩm mỹ, được coi là "tiêu chuẩn vàng" trong điều trị sẹo lõm, lỗ chân lông lớn, nếp nhăn, tái tạo phục hồi trẻ hóa da, tái tạo da kết quả nhất [7]. Hosa serum với các thành phần được chiết xuất từ thảo dược thiên nhiên, giúp hỗ trợ làm lành sẹo, mờ vết thâm. Phương pháp phối hợp bóc tách đáy sẹo và laser CO₂ fractional với nhau làm tăng thêm hiệu quả điều trị sẹo lõm [4], cùng với việc sử dụng Hosa serum càng làm tăng thêm hiệu quả điều trị. Từ những lý do đó, chúng tôi thực hiện đề tài: "Đánh giá kết quả điều trị sẹo lõm bằng phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum tại Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB năm 2022-2023".

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá kết quả điều trị sẹo lõm bằng phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum tại bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB năm 2022-2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Tất cả bệnh

nhân đến khám với chẩn đoán sẹo lõm ở mặt, được điều trị bằng phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum tại bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB (từ tháng 08/2022 đến 08/2023).

- Tiêu chuẩn chọn mẫu:

- + Bệnh nhân được chẩn đoán sẹo lõm ở mặt
- + Không phân biệt giới tính, lý do bị sẹo
- + Đồng ý tham gia vào nghiên cứu.
- + Bệnh nhân được chỉ định điều trị bằng phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional.

- Tiêu chuẩn loại trừ

- + Phụ nữ có thai.
- + Bệnh nhân có da tuýp V-VI.
- + Bệnh nhân đang mắc các bệnh nhiễm trùng da vùng mặt, herpes, zona, mụn cóc.
- + Bệnh nhân mắc các bệnh nội khoa: tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, suy giảm miễn dịch, rối loạn đông máu.
- + Bệnh nhân dị ứng với thuốc tê.
- + Bệnh nhân có tiền sử cơ địa sẹo lồi.
- + Bệnh nhân không tuân thủ quá trình điều trị.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p \times (1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu, Z là hệ số tin cậy, với mức $\alpha=0,05$ thì $Z=1,96$.

p: tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân sẹo lõm (90%) [5].

d: sai số cho phép, chúng tôi chọn $d=0,07$.

Cỡ mẫu tính được: $n = 71$ bệnh nhân. Thực tế chúng tôi chọn được 73 bệnh nhân.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện

Phương pháp thu thập số liệu: bệnh nhân được khám, đánh giá về đặc điểm lâm sàng của sẹo lõm và được ghi nhận bằng bộ câu hỏi đã được soạn sẵn theo cấu trúc.

Nội dung nghiên cứu: Đánh giá sự cải thiện về số lượng sẹo lõm, độ phẳng sẹo lõm, màu sắc sẹo lõm và kết quả điều trị chung sau 12 tuần, các tác dụng phụ ghi nhận, sự hài lòng của bệnh nhân.

Xử lý số liệu: Số liệu được xử lý kết quả bằng phần mềm SPSS 20.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mức độ cải thiện số lượng sẹo lõm

Bảng 1. Mức độ cải thiện số lượng sẹo lõm sau điều trị

Giảm số lượng thương tổn	T1		T2		T3		T4	
	n	%	n	%	n	%	n	%
0 thương tổn	0	0,0	0	0,0	0	0,0	24	32,9
1-10 thương tổn	35	48	36	49,3	37	50,7	35	47,9
11-20 thương tổn	16	21,9	17	23,3	22	30,1	14	19,2
>20 thương tổn	22	30,1	20	27,4	14	19,2	0	0
Tổng	73	100	73	100	73	100	73	100

Nhận xét: Bệnh nhân (BN) có cải thiện rõ số lượng thương tổn theo thời gian. Số BN có >20 thương tổn lần lượt giảm còn 20 vào lần điều trị thứ 2 và 14 vào lần điều trị thứ 3. Nhóm BN có 1-10 thương tổn vào lần điều trị thứ 3 đạt 50,7%. Sau 3 đợt điều trị, vào tuần thứ 12, không còn BN có >20 thương tổn, nhóm BN 0 thương tổn chiếm 32,9%.

3.2. Mức độ cải thiện độ phẳng của sẹo lồi

Bảng 2. Mức độ phẳng của sẹo lồi sau điều trị

Mức độ phẳng	T1		T2		T3		T4	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Độ 1	0	0,0	11	15,1	18	24,7	32	43,8
Độ 2	18	24,7	33	45,2	43	58,9	35	48,0
Độ 3	42	57,5	26	35,6	11	15,1	6	8,2
Độ 4	13	17,8	3	4,1	1	1,4	0	0,0
Tổng	73	100	73	100	73	100	73	100

Nhận xét: Bệnh nhân có mức độ cải thiện độ phẳng sẹo lồi theo thời gian gia tăng dần. Sau 4 tuần, có 45,2% độ 2, 35,6% độ 3 và 15,1% độ 1. Sau 8 tuần, 24,7% độ 1, 58,9% độ 2 và 15,1% độ 3. Sau 12 tuần, không còn bệnh nhân có độ 4, độ 1 đạt 43,8%.

3.3. Mức độ cải thiện màu sắc của sẹo lồi

Bảng 3. Mức độ cải thiện màu sắc của sẹo lồi sau điều trị

Màu sắc thương tổn	T1		T2		T3		T4	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Tốt	0	0,0	16	21,9	31	42,5	50	68,5
Khá	29	39,8	42	57,5	39	53,4	21	28,8
Trung bình	42	57,5	15	20,6	3	4,1	2	2,7
Kém	2	2,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng	73	100	73	100	73	100	73	100

Nhận xét: Bệnh nhân có mức độ cải thiện màu sắc sẹo lồi tăng đáng kể theo thời gian. Sau 4 tuần điều trị có 57,5% bệnh nhân có mức cải thiện khá, 21,9% cải thiện tốt, không có bệnh nhân cải thiện kém. Sau 8 tuần điều trị 42,5% bệnh nhân cải thiện tốt và sau 12 tuần có 68,5% bệnh nhân cải thiện tốt.

3.4. Kết quả điều trị sẹo lồi

Bảng 4. Kết quả điều trị sẹo lồi qua thời gian

Kết quả	4 tuần		8 tuần		12 tuần	
	n	%	n	%	n	%

Có kết quả điều trị	31	42,5	63	86,3	67	91,8
Không có kết quả điều trị	42	57,5	10	13,7	6	8,2
Tổng	73	100,0	73	100,0	73	100,0

Nhận xét: Bệnh nhân có kết quả điều trị sẹo lồi tăng theo thời gian từ 42,5% lúc 4 tuần điều trị, đến 86,3% lúc 8 tuần điều trị và 91,8% lúc 12 tuần điều trị.

3.5. Đặc điểm các loại tác dụng phụ

Bảng 5. Đặc điểm các loại tác dụng phụ theo thời gian

Tác dụng phụ	1 tuần		4 tuần		8 tuần		12 tuần	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Đau rát	10	83,3	1	100,0	0	0,0	0	0,0
Phù nề	1	8,3	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Đỏ da	5	41,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng	12	100	1	100	0	0	0	0

Nhận xét: Trong 12 bệnh nhân có tác dụng phụ, đa phần tác dụng phụ xảy ra vào tuần thứ 1 sau điều trị. Trong đó nhiều nhất là dấu hiệu đau rát 83,3% và giảm ở các tuần tiếp theo. Tuần thứ 4 chỉ còn 1 bệnh nhân bị đau rát, và tình trạng bị tác dụng phụ sau điều trị không còn ở tuần thứ 8 và 12 sau điều trị.

3.6. Cảm nhận sự hài lòng của bệnh nhân

Bảng 6. Cảm nhận sự hài lòng của bệnh nhân điều trị sẹo lồi

Hài lòng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Rất hài lòng	41	56,2
Hài lòng	28	38,3
Chưa hài lòng	4	5,5
Tổng	73	100

Nhận xét: Có 56,2% bệnh nhân rất hài lòng, 38,3% bệnh nhân hài lòng, 5,5% bệnh nhân chưa hài lòng.

IV. BÀN LUẬN

Sẹo lồi dù không gây ảnh hưởng đến tính mạng hay sức khỏe của người bệnh, tuy nhiên lại ảnh hưởng rất lớn về mặt thẩm mỹ cũng như chất lượng cuộc sống của người bệnh. Nên việc được điều trị là hết sức cần thiết, giúp mang lại sự cải thiện về mặt thẩm mỹ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh. Việc phối hợp phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO₂ fractional và thoa Hosa serum càng làm tăng thêm hiệu quả điều trị sẹo lồi. Trong suốt thời gian nghiên cứu vừa qua, chúng tôi đã tiến hành điều trị và theo dõi tổng cộng 73 bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ và Viện nghiên cứu da thẩm mỹ quốc tế FOB ghi nhận: Mức độ cải thiện số lượng sẹo lồi qua các đợt điều trị, bệnh nhân có cải thiện rõ số lượng sẹo theo thời gian. Số bệnh nhân có >20 thương tổn lần lượt giảm còn

20 bệnh nhân vào lần điều trị thứ 2 và 14 bệnh nhân vào lần điều trị thứ 3. Nhóm bệnh nhân có 1-10 thương tổn vào lần điều trị thứ 3 đạt 50,7%. Sau 3 đợt điều trị, vào tuần thứ 12, không còn bệnh nhân có >20 thương tổn, nhóm bệnh nhân 0 thương tổn chiếm đến 32,9%; Mức cải thiện độ phẳng của sẹo lõm sau 4 tuần thì mức độ cải thiện độ phẳng loại độ 2 chiếm tỷ lệ cao nhất 45,2% và độ 3 là 35,6%, ở những đợt theo dõi tiếp theo tỷ lệ cải thiện về mức độ phẳng của sẹo tăng dần, cụ thể tỷ lệ cải thiện mức độ 1 sau 12 tuần là 43,8%, độ 2 là 48% và độ 3 là 8,2%; Mức độ cải thiện màu sắc sẹo lõm sau 4 tuần thì độ cải thiện màu sắc mức độ khá chiếm tỷ lệ cao nhất là 57,5%, đặc biệt mức độ tốt chiếm tới 21,9%. Ở những đợt theo dõi tiếp theo, tỷ lệ cải thiện về màu sắc của sẹo tiếp tục tăng dần. Cụ thể tỷ lệ cải thiện tốt sau 12 tuần lên tới 68,5%, và mức độ khá là 28,8%. Kết quả điều trị chung về sẹo lõm, trong nghiên cứu của chúng tôi, tiêu chí cho việc đánh giá kết quả chung ở đối tượng nghiên cứu phải đảm bảo sự cải thiện ở số lượng thương tổn, độ phẳng và màu sắc của sẹo rõ. Kết quả cho thấy bệnh nhân được điều trị với sự cải thiện tích cực theo thời gian. Vào tuần thứ 12, tỉ lệ thành công là 91,8%. Bệnh nhân được điều trị và theo dõi thường xuyên sẽ góp phần mang đến sự phục hồi tốt cho làn da đã bị tổn thương trước đây. Tỷ lệ thành công gần như tương đương với nghiên cứu của tác giả Magda M. Haggag và các cộng sự (2021) là 90,91% [5]. Đây là một tỷ lệ khá cao, là tín hiệu rất đáng khích lệ cho việc điều trị phục hồi làn da tổn thương sau thời gian dài bệnh nhân gặp phải. Các tác dụng phụ không mong muốn sau điều trị, trong bất kỳ phương pháp điều trị nào cũng có ưu và nhược điểm riêng, phương pháp bóc tách đáy sẹo kết hợp laser CO2 fractional và thoa Hosa serum cũng không ngoại lệ. Ngoài các tính năng ưu việt đã được nêu, thì cũng gặp phải một số tác dụng không mong muốn như đỏ da, đau rát, phù nề, tăng sắc tố... Trong nghiên cứu của chúng tôi, với 73 bệnh nhân, sau 1 tuần điều trị có 12 bệnh nhân (16,4%) có tác dụng phụ. Trong 12 bệnh nhân đó, thường gặp phải là đau rát với 10 bệnh nhân (83,3%), phù nề 1 bệnh nhân (8,3%) và đỏ da có 5 bệnh nhân (41,7%). Sang tuần thứ 4 chỉ còn 1 bệnh nhân có đau rát. Ở tuần thứ 8 và tuần thứ 12 không ghi nhận bệnh nhân nào có tác dụng phụ. Trong nghiên cứu của chúng tôi không có tác dụng phụ quan sát như ban đỏ dai dẳng, Herpes bùng phát, sẹo hoặc hình thành sẹo lồi trong bất kỳ trường hợp nào. Theo Abdul Hakeem Mohammad Saeed (2018), hầu hết các

bệnh nhân có tác dụng phụ liên quan đến chế độ điều trị, được cho là thay đổi và thoáng qua, các tác dụng phụ bao gồm 95% với ban đỏ nhẹ, 77,5% với lớp vỏ bề mặt và 67,5% với phù thoáng qua [3]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Cúc và Phạm Thị Lan (2017), báo cáo tất cả bệnh nhân đều bị đau trong quá trình điều trị sẹo lõm và đỏ da sau điều trị. Tuy vậy, phần lớn ở mức độ đau trung bình và ít đau (chiếm khoảng 90% – 93%), còn đau nhiều chỉ chiếm 6,5% - 9,7%. Đỏ da đa số chỉ tồn tại trong 3-5 ngày (ngắn nhất: 2 ngày, dài nhất: 7 ngày). Tác dụng phụ gây tăng sắc tố sau viêm chỉ gặp ở 2 bệnh nhân (liên quan đến chăm sóc sau điều trị và môi trường công việc ngoài trời), nhưng nhanh chóng khỏi sau 4 tuần mà không cần phải điều trị gì. Phần lớn ở mức độ đau trung bình và ít đau (chiếm khoảng 90% – 93%), còn đau nhiều chỉ chiếm 6,5% - 9,7%. Đỏ da đa số chỉ tồn tại trong 3-5 ngày (ngắn nhất: 2 ngày, dài nhất: 7 ngày). Các trường hợp nhiễm khuẩn trong và sau điều trị sẹo lõm đều chưa được ghi nhận [1]. Ở nghiên cứu của chúng tôi, khi được khảo sát về sự hài lòng thì hầu hết các bệnh nhân tham gia nghiên cứu đều hài lòng với phương pháp và kết quả điều trị với số bệnh nhân rất hài lòng chiếm 56,2%, bệnh nhân hài lòng chiếm 38,4%. Chúng tôi đây là một phương pháp đem lại kết quả cao và cần phổ biến rộng rãi. Chỉ có 4 trường hợp bệnh nhân không hài lòng chiếm 5,5%, nguyên nhân là do bệnh nhân có ngưỡng chịu đau thấp, không chịu được đau khi bóc tách đáy sẹo và sử dụng tia laser hoặc do chưa đạt được kết quả điều trị sẹo lõm như mong muốn. Theo nghiên cứu Abdul Hakeem Mohammad Saeed (2018) các khảo sát bệnh nhân liên quan đến sự hài lòng cho thấy 25 bệnh nhân rất hài lòng (62,5%) và 6 bệnh nhân hài lòng (15%). Đối với 9 trường hợp còn lại, sự cải thiện đạt được không như mong đợi của họ [3].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ bệnh nhân có kết quả điều trị chung sau 12 tuần là 91,8%. Trong đó: cải thiện số lượng sẹo lõm sau 3 đợt điều trị, vào tuần thứ 12, không còn bệnh nhân có >20 thương tổn, nhóm bệnh nhân 0 thương tổn chiếm đến 32,9%; Cải thiện độ phẳng sẹo lõm với độ 1 chiếm 43,8%, độ 2 chiếm 48%, độ 3 là 8,2%; Cải thiện màu sắc sẹo lõm đạt tốt (68,5%) và khá (28,8%). Tác dụng phụ chủ yếu là đau rát (83,3%), phù nề (8,3%), đỏ da (41,7%) trong tổng số 12 bệnh nhân có tác dụng phụ. 56,2% bệnh nhân cảm thấy hài lòng rất hài lòng, 38,4% bệnh nhân cảm thấy hài lòng với kết quả điều trị sẹo lõm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Thị Kim Cúc, Phạm Thị Lan**, Hiệu quả điều trị sẹo lõm sau trứng cá bằng Radiofrequency (RF) vi điểm xâm nhập, Tạp chí nghiên cứu Y học, 2017, 107 (2), tr. 150–157.
2. **Nguyễn Văn Thường**, Chăm sóc thương tổn da vùng mặt, Điều dưỡng trong chuyên ngành Da liễu, 2019, tr. 100-104.
3. **Abdul H. M. S., Salaiman A. A.**, The efficacy of fractional CO2 laser resurfacing in the treatment of facial acne scars, Salaiman Ayed Alsaiani Department of Internal Medicine, Najran University, 2018.
4. **Bhargava Shashank, Paulo, Cunha R et al**, Acne Scarring Management: Systematic Review and Evaluation of the Evidence, Springer International Publishing AG, 2018.
5. **Haggaga M. M. et al**, Fractional CO2 laser versus fractional CO2 laser with subcision in management of atrophic postacne scar, Menoufia Med J, 2021, 34, pp. 34-39.
6. **Xu Y., Deng Y.**, Ablative Fractional CO2 Laser for Facial Atrophic Acne Scars, Facial Plast Surg, 2018, 34, pp.205–219.
7. **Peixoto Joana, Lascasas Resse Joana, Vedor Sofia**, Qual o Papel da Carboxiterapia no Tratamento de Cicatrizes de Acne?, Revista SPDV, 2020, 78(4), pp. 361-367.

THỰC TRẠNG NUÔI DƯỠNG CỦA NGƯỜI BỆNH UỐN VÁN TẠI BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỐI TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

Hoàng Thị Thơm¹, Trần Văn Bắc¹, Trần Thị Lệ Thu¹,
Nguyễn Thị Thanh Luyến³, Phạm Mi Trang³, Nguyễn Thị Thu Liễu⁴

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng nuôi dưỡng ở người bệnh uốn ván tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới trung ương năm 2022. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang trên 33 người bệnh uốn ván. **Kết quả:** Năng lượng khẩu phần ăn 24h và lượng các chất dinh dưỡng cho người bệnh đã được cải thiện và tăng lên tại các thời điểm nghiên cứu và khi ra viện, tỷ lệ người bệnh nuôi dưỡng đạt trên 75% nhu cầu khuyến nghị là 64,5%. Tỷ lệ người bệnh nuôi dưỡng kém, chưa đạt 60% nhu cầu chuyển hóa cơ bản còn cao. Đến ngày thứ 14, tỷ lệ này vẫn là 39,4%. Tình trạng nuôi dưỡng tốt sẽ giúp người bệnh cải thiện được các chỉ số albumin máu và protein máu.

Từ khóa: thực trạng nuôi dưỡng, người bệnh uốn ván, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới trung ương

SUMMARY

FEEDING PRACTICE FOR TETANUS PATIENTS AT CENTRAL TROPICAL DISEASE HOSPITAL IN 2022

Objective: Assess the feeding practice for tetanus patients at the Central Tropical Diseases Hospital in 2022. **Research methods:** Cross-sectional, prospective description on 33 patients with tetanus. **Results:** 24-hour dietary energy and the amount of nutrients for patients were improved and increased at the time of the study and when

discharged from the hospital, the proportion of patients nourished reached over 75% of recommended needs. recommendation is 64.5%. The proportion of patients with poor nutrition, not reaching 60% of basic metabolic needs, is still high. By day 14, this rate was still 39.4%. Good nutrition will help patients improve blood albumin and blood protein indexes. **Keywords:** Feeding practice, tetanus patients, Central Tropical Diseases Hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng có vai trò quan trọng trong điều trị người bệnh. Nó không chỉ cung cấp năng lượng cho người bệnh đảm bảo sự sống còn mà còn góp phần vào điều trị người bệnh bằng cách cung cấp các chất cho quá trình vận chuyển, chuyển hoá thuốc. Việt Nam đã ban hành hướng dẫn về dinh dưỡng cho người bệnh nặng tuy nhiên vì nhiều lí do thực tế, nên vẫn chưa có hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng cho người bị uốn ván.

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương là tuyến cuối cùng trong chăm sóc các người bệnh uốn ván thể nặng, việc cần có một phác đồ dinh dưỡng trong chăm sóc người bệnh có ý nghĩa rất lớn giúp người bệnh rút ngắn thời gian nằm viện, cải thiện tình trạng sụt cân, suy dinh dưỡng nặng khi ra viện và nhanh chóng có thể hồi phục, tái hòa nhập cộng đồng. Trên cơ sở đó, chúng tôi thực hiện một nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng nuôi dưỡng hiện tại của người bệnh như thế nào, đáp ứng được bao nhiêu so với nhu cầu khuyến nghị cơ bản và tình trạng sụt cân khi ra viện của người bệnh. Từ đó, làm cơ sở cho các bác sỹ lâm sàng cũng như Khoa Dinh dưỡng có sự điều chỉnh chiến lược dinh dưỡng

¹Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương

²Bệnh viện Đa khoa Đức Giang

³Trung tâm y tế Liên Chiểu

⁴Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thu Liễu

Email: **Error! Main Document Only.**

Ngày nhận bài: 6.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 6.8.2024

Ngày duyệt bài: 27.8.2024